

Đơn vị: Sở Xây dựng
Chương: 419

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 15 tháng 10 Năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các t

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2019 như sau:

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 3 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	2.599.000	1.802.032	69,3%	
1	Lệ phí	47.000	38.270	81,4%	
*	Lệ phí cấp phép XD	7.000	3.720	53,1%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	40.000	34.550	86,4%	
2	Phí	2.552.000	1.763.762	69,1%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.350.000	1.199.634	51,0%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	202.000	181.968	90,1%	
3	Thu khác	73.000	382.160	523,5%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.337.000	641.616	27,5%	
1	Chi sự nghiệp.....	-			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.337.000	222.460	9,5%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	335.000	140.958	42,1%	
1	Lệ phí	27.000	20.995	77,8%	
*	Lệ phí cấp phép XD	7.000	3.720	53,1%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	20.000	17.275	86,4%	
2	Phí	235.000	119.963	51,0%	
*	Phí thẩm định đầu tư	235.000	119.963	51,0%	
*	Phí thẩm định đồ án QH	-	-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.863.000	1.639.419	16,6%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.863.000	1.639.419	16,6%	
1	Chi quản lý hành chính	5.813.000	1.138.419	19,6%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.058.000	1.047.884	25,8%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.755.000	90.535	5,2%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 3 năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ)
1.2.1	Mua sắm	50.000	48.310	96,6%	
1.2.2	Sửa chữa	909.000	21.225	2,3%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	-			
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	796.000	21.000	2,6%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000	-	0,0%	
*	Trang phục thanh tra	21.000	21.000	100,0%	
*	Duy trì trang Web	43.000	-	0,0%	
*	Tập chí số giá XD	90.000	-	0,0%	
*	Xây dựng bộ đơn giá duy trì cây xanh đô thị	90.000	-	0,0%	
*	XD bộ đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	90.000	-	0,0%	
*	XD chi tiết giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác th	270.000	-	0,0%	
*	Tập huấn công tác bảo vệ môi trường cho các DN làm HĐXD, khai thác	90.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	28.000	-	0,0%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000	-	0,0%	
*	Duy trì cải tiến hệ thống ISO	12.000	-	0,0%	
*	Duy trì phần mềm Quản lý Tsan	2.000	-	0,0%	
1.3	Nhiệm vụ tỉnh giao	4.050.000	501.000	12,4%	
1.3.1	Chương trình XD nông thôn mới	50.000	-	0,0%	
1.3.2	Nhiệm vụ Quy hoạch	4.000.000	501.000	12,5%	
*	Quy hoạch Trung tâm Ninh Hải, Ninh Thăng	2.030.000	-	100,0%	
*	Mô hình quy hoạch đô thị Ninh Bình đến năm 2	1.700.000	501.000	29,5%	
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở	270.000	-	0,0%	